

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ QUYẾT số 73 - HĐBT ngày 12-7-1983 về công tác giáo dục trong những năm trước mắt.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, thứ V và thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, công tác giáo dục đã được đẩy mạnh và đã thu được nhiều thành tựu quan trọng.

Mặc dù có nhiều khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật và đời sống, các nhà trường vẫn cố gắng duy trì đều đặn việc dạy và học, góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, vào việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân kỹ thuật và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ của đất nước.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban Cải cách giáo dục trung ương, nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục đã được phổ biến rộng rãi, nghiên cứu quán triệt ở các ngành, các cấp và từng bước được triển khai. Đã có những tiến bộ mới trong việc thực hiện hệ thống giáo dục mới, trong công tác hướng nghiệp ở ngành giáo dục phổ thông, trong việc kết hợp giảng dạy, học tập với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, với lao động sản xuất phục vụ xã hội ở nhiều trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, đại học và cao đẳng.

Chính quyền các cấp ngày càng quán triệt sâu sắc hơn đường lối quan điểm giáo dục của Đảng và thực hiện tốt hơn phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, bước đầu đề ra những biện pháp có hiệu quả trong việc xây dựng, tu bổ nhà trường, tăng cường cơ sở vật chất, phần

nào chăm lo đời sống của thầy giáo và học sinh, phát triển công tác dạy nghề.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của giai đoạn mới, công tác giáo dục trong những năm qua còn những thiếu sót và nhược điểm sau đây:

1. Chất lượng giáo dục giảm sút, nhất là chất lượng chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng. Mục tiêu giáo dục, đào tạo người lao động mới làm chủ tập thể chưa được cụ thể hóa cho từng cấp học, ngành học, từng địa phương; nội dung giáo dục chưa thật gắn với mục tiêu đào tạo cụ thể, còn quá thiên về lý thuyết, nhẹ về thực hành; các hình thức giáo dục còn thiếu phong phú và linh hoạt.

2. Hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội chưa đạt yêu cầu đề ra. Chưa chuẩn bị tốt cho học sinh đi vào cuộc sống lao động, sản xuất và chiến đấu. Nhiều học sinh tốt nghiệp các trường đại học và chuyên nghiệp chưa được bố trí sử dụng. Kế hoạch giáo dục và đào tạo thiếu căn cứ vững chắc, và chưa tính toán kỹ hiệu quả.

Công tác giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội của một số vùng quan trọng như đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, miền núi và một số ngành kinh tế trọng điểm của cả nước.

3. Các điều kiện vật chất quá thiếu thốn, đời sống của thầy và trò rất khó khăn; tỷ lệ đầu tư cho giáo dục còn quá ít.

4. Công tác tổ chức và quản lý phân tán, thiếu phối hợp giữa các ngành giáo dục với nhau, giữa các ngành giáo dục với các ngành kinh tế, văn hóa, với các địa phương; chưa thực hiện đầy đủ những chế độ, chính sách đã ban hành và chưa kịp thời bổ sung những chế độ, chính sách cần thiết.

Chúng ta cần phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, tạo ra một bước chuyển biến mới trong các ngành giáo dục để đáp

ứng tốt nhất các mục tiêu kinh tế — xã hội và tránh được những hậu quả tiêu cực đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ.

II. NHIỆM VỤ CỦA CÁC NGÀNH GIÁO DỤC TRONG NHỮNG NĂM SẮP TỚI

Đại hội Đảng lần thứ V đã vạch rõ: «Nhiệm vụ trong những năm tới là triển khai cải cách giáo dục và phát triển sự nghiệp giáo dục một cách vững chắc theo bước đi phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân và phải ra sức nâng cao chất lượng giáo dục...».

Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục đã đề ra yêu cầu phải: «Đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ khoa học kỹ thuật và quản lý phù hợp với yêu cầu phân công lao động trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa»,... những «người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện, kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, hết lòng xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc».

Đề cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực giáo dục, Hội đồng bộ trưởng ra nghị quyết này nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách của các ngành giáo dục và bảo đảm cho công tác giáo dục phục vụ đắc lực hai nhiệm vụ chiến lược, những mục tiêu kinh tế — xã hội trước mắt.

Từ nay đến năm 1985 và những năm tiếp theo, phải triển khai mạnh mẽ và vững chắc công tác cải cách giáo dục, tiếp tục phát triển các ngành giáo dục một cách cân đối, ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng toàn diện, trước hết là chất lượng chính trị, tư tưởng, đạo đức; trên cơ sở đó, làm cho tất cả học sinh sau khi kết

thúc một cấp học, một ngành học đều được chuẩn bị để trở thành người lao động xã hội chủ nghĩa và người chiến sĩ kiên cường bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, các ngành kinh tế và xã hội ở trung ương, địa phương và các cơ sở phải có kế hoạch sử dụng hết và tốt số học sinh ra trường.

Để thực hiện nhiệm vụ chung nói trên, các ngành giáo dục phải tập trung giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Xây dựng mục tiêu đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa sát với yêu cầu cụ thể của đất nước, của từng vùng, phù hợp với mục tiêu kinh tế — xã hội, từ đó xác định nội dung và phương pháp đào tạo thích hợp.

2. Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trước hết tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đường lối, chính sách của Đảng, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và đạo đức mới của người lao động làm chủ tập thể.

Nâng cao chất lượng giáo dục văn hóa — khoa học, kỹ thuật, cung cấp cho học sinh những kiến thức khoa học hiện đại, được chọn lọc theo hướng sát với thực tế Việt Nam.

3. Kết hợp giảng dạy, học tập với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, với lao động sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ sản xuất và xã hội, góp phần giải quyết những khó khăn hiện nay về cơ sở vật chất, về đời sống của cán bộ và học sinh.

4. Cải tiến công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân, tạo điều kiện để sử dụng hết và có hiệu quả những học sinh tốt nghiệp các cấp, nhất là những học sinh tốt nghiệp các trường đại học và chuyên nghiệp.

5. Giữ vững, phát triển và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo

dục, đúng tiêu chuẩn, cả về chính trị lẫn nghiệp vụ, có cơ cấu đồng bộ, phù hợp với yêu cầu giáo dục toàn diện cho học sinh. Chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, có chính sách đãi ngộ thích đáng nhằm động viên, khuyến khích đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vươn lên hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao.

6. Bảo đảm điều kiện vật chất kỹ thuật cần thiết cho giảng dạy và học tập, thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất, cho đời sống của học sinh nội trú. Phối hợp tốt những cố gắng đầu tư của Nhà nước, sự đóng góp của nhân dân, của các ngành, các cơ sở sản xuất và sức lao động của thầy trò trong việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của các nhà trường.

7. Cải tiến công tác tổ chức, quản lý, sắp xếp lại mạng lưới các trường để sử dụng hợp lý đội ngũ giáo viên, vốn đầu tư cơ sở vật chất và kỹ thuật của các nhà trường. Đồng thời cần có kế hoạch và cơ chế huy động các tiềm năng của xã hội tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục, thực hiện tốt phương châm kết hợp trung ương với địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm.

III. NHỮNG CHỮ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CẤP BẠCH CỦA CÁC NGÀNH GIÁO DỤC

A. NGÀNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Trong những năm trước mắt (1983 — 1985) coi trọng phát triển và nâng cao chất lượng của giáo dục phổ thông trong cả nước, nhất là đối với việc phổ cập cấp I ở đồng bằng sông Cửu Long, những vùng miền núi biên giới phía Bắc, Tây Nguyên.

Hình thành các loại trường phổ thông trung học, trường phổ thông trung học kỹ thuật (trong đó có các trường phổ thông trung học vừa học vừa làm); chú trọng các lớp năng khiếu; xây dựng một số trường lớp cho học sinh có tật.

Nghiên cứu bố trí mạng lưới trường lớp gắn với các điều kiện địa lý, dân cư, kinh tế, xã hội bảo đảm nhà trường phục vụ tốt nhất những mục tiêu kinh tế — xã hội của địa phương.

Đối với ngành học phổ thông, ra sức phấn đấu hoàn thành việc biên soạn các sách giáo khoa mới và chỉnh lý bổ sung những sách giáo khoa đang dùng theo nội dung, tinh thần của nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục.

Trong nội dung chương trình, chú trọng giảm bớt những phần chưa thiết thực, tăng thêm phần thực hành, phần hoạt động xã hội, có tính đến điều kiện sinh hoạt khó khăn hiện nay của thầy và trò. Dành một tỷ lệ thích đáng cho những kiến thức liên quan đến từng địa phương, ở một số môn như lịch sử, địa lý, kỹ thuật v.v...

Trong việc chỉnh lý, bổ sung những sách đang dùng, cần đặc biệt chú ý những sách về các môn chính trị và khoa học xã hội, và những sách đang dùng ở các tỉnh phía Nam.

Đến năm 1990, hoàn thành việc thay sách giáo khoa cho toàn bộ hệ thống giáo dục phổ thông mới. Chuẩn bị kịp thời về giáo viên và lớp học để có thể mở lớp 9 ở miền Bắc theo hệ thống cải cách.

Cố gắng bảo đảm đủ giấy (khoảng 6 tỷ trang một năm) cho ngành giáo dục để hoàn thành việc in và thay sách giáo khoa nói trên.

Làm tốt giáo dục hướng nghiệp và kỹ thuật tổng hợp trong trường phổ thông để đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ

theo yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Giáo dục hướng nghiệp và lao động sản xuất của nhà trường phải có chương trình, kế hoạch cụ thể, phải thiết thực và có hiệu quả. Các cấp, các ngành cần chỉ đạo sát và giúp đỡ cụ thể nhà trường phổ thông về phương hướng sản xuất, về cơ sở vật chất và kỹ thuật và về việc sử dụng hết số học sinh ra trường.

Đối với ngành mẫu giáo, cần củng cố các trường lớp hiện có và phát triển ở những địa bàn có nhu cầu và có đủ điều kiện về cơ sở vật chất.

Đối với ngành bổ túc văn hóa, phải thực hiện mục tiêu phổ cập cấp II (theo chương trình bổ túc văn hóa) cho cán bộ đương chức và cán bộ kế cận theo chỉ thị 115 của Ban bí thư trung ương. Tiếp tục xóa mù chữ và tiến hành phổ cập cấp I (theo chương trình bổ túc văn hóa) cho nhân dân lao động và sớm triển khai các lớp học theo chuyên đề. Ngành giáo dục có trách nhiệm bảo đảm chương trình, sách giáo khoa và giáo viên. Các ngành, các cấp ở cơ sở phải chịu trách nhiệm quản lý người học, bảo đảm đúng đối tượng và đủ học viên đi học.

Coi trọng hệ thống các trường sư phạm về các mặt, nhất là ở các tỉnh phía Nam, nhằm xây dựng một đội ngũ giáo viên phổ thông có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của cải cách giáo dục: nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy, có kế hoạch xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất và có biện pháp thu hút những học sinh giỏi và có phẩm chất tốt vào các trường sư phạm.

B. NGÀNH GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

— Ngành dạy nghề.

Cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể tiếp tục thực hiện nghị quyết số 109-CP ngày 12-3-1981 của Hội đồng Chính phủ về

nhiệm vụ, phương hướng, chủ trương và biện pháp phát triển công tác dạy nghề.

Những năm trước mắt trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo công nhân lành nghề cho các ngành kinh tế quốc dân, chú trọng làm tốt hơn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và rèn luyện tay nghề.

Bên cạnh các trường dạy nghề, phát triển mạnh mẽ các lớp dạy nghề trong các cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể; mở các trung tâm dạy nghề ở các quận, huyện, thị xã, theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để đào tạo ngắn hạn lao động kỹ thuật cho các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ, dạy nghề cho số lớn thanh thiếu niên tốt nghiệp phổ thông các cấp.

— Ngành trung học chuyên nghiệp.

Sửa đổi mục tiêu và nội dung đào tạo cán bộ trung học chuyên nghiệp, đặc biệt là các khối nông nghiệp và công nghiệp cho sát yêu cầu của các ngành kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Khắc phục tình trạng một số lớn học sinh tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp kỹ thuật chưa được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện tốt để thực hành nghề nghiệp thành thạo và chưa được sử dụng tốt ở cơ sở.

— Sắp xếp lại mạng lưới các trường dạy nghề và trung học chuyên nghiệp.

Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là địa bàn chủ yếu để sắp xếp lại mạng lưới trường dạy nghề và trường trung học chuyên nghiệp, hoàn chỉnh mạng lưới của các trường địa phương, chỉ để lại những trường trung ương cần thiết.

Các trường dạy nghề và các trường trung học chuyên nghiệp nằm trên địa bàn một địa phương đều phục vụ cả những

yêu cầu của kinh tế trung ương và kinh tế địa phương tại địa phương đó. Những trường này thuộc sự quản lý trực tiếp của cơ quan giáo dục chuyên nghiệp địa phương và chịu sự chỉ đạo về ngành dọc của Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và Tổng cục Dạy nghề.

C. NGÀNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Kiên quyết sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học cho hợp lý, khắc phục tình trạng phân tán hiện nay. Việc sắp xếp cần thực hiện theo hướng sau đây:

— Hình thành một số trường đại học trọng điểm, đầu ngành của cả nước, ở đó tập trung nhiều thầy giỏi, trang thiết bị tốt để đào tạo cán bộ có chất lượng cao.

— Các trường đại học phải được phân bố trên địa bàn cả nước phù hợp với việc phân vùng kinh tế, dân cư, có chú ý đến đặc điểm kinh tế, xã hội và địa lý của nước ta; cần có sự phân công hợp lý để có các trường đại học phục vụ cho nhu cầu của cả nước, đồng thời có các trường đại học đặt ở những vùng quan trọng, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của vùng đó.

— Sắp xếp lại để hình thành những trường đại học đào tạo cán bộ phục vụ cho nhiều ngành kinh tế, kỹ thuật có liên quan mật thiết với nhau như các ngành nông nghiệp và lâm nghiệp, kinh tế, tài chính và ngân hàng, xây dựng và kiến trúc, các ngành kỹ thuật công nghiệp, v.v... Giảm bớt những trường chỉ đào tạo cán bộ chuyên ngành hẹp, chỉ phục vụ riêng cho một Bộ, trừ các trường thuộc khối sư phạm, y tế, và nghệ thuật có đặc thù riêng. Giải thể những trường quy mô quá nhỏ, số lượng học sinh quá ít không đủ cơ sở, vật chất, thiết bị và thầy giáo để đào tạo có chất lượng.

Bên cạnh hệ đào tạo chính quy, cần mở hệ bồi dưỡng theo từng chuyên đề có

cấp giấy chứng nhận, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của cán bộ, thanh niên nói chung và riêng cho cán bộ làm công tác ở địa phương, đặc biệt là cấp huyện, ở các cơ sở sản xuất, quốc doanh và tập thể. Mở rộng hệ bồi dưỡng sau đại học nhằm nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, chuyên môn hóa sâu hơn, bổ túc và hiện đại hóa kiến thức cho những cán bộ đã tốt nghiệp đại học. Chi phí do các ngành, các địa phương cử người đi học hoặc do bản thân người học đóng góp.

Đề cho mạng lưới trường, lớp tại chức được tổ chức rộng khắp và bao gồm nhiều hình thức linh hoạt, thuận tiện cho người học (nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục). Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp cần phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương kiện toàn các cơ sở đào tạo và bồi dưỡng tại chức hiện có thành những trung tâm đào tạo và bồi dưỡng tại chức tỉnh hoặc liên tỉnh do địa phương trực tiếp quản lý. Các địa phương có nhiệm vụ chỉ đạo công tác tuyển sinh, cung cấp vật chất... Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp chịu trách nhiệm về công tác đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

Kết hợp chặt chẽ việc đào tạo trên đại học trong nước với ngoài nước. Phấn đấu làm cho việc đào tạo trong nước trở thành chủ yếu; nội dung đào tạo phải hướng vào những vấn đề thực tiễn của đất nước; tránh những thủ tục phiền hà, đồng thời tránh tùy tiện trong việc chấp hành các quy định.

D. NHỮNG CHỮ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CHUNG

1. Tăng cường việc giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng trong nhà trường. Tiếp tục thực hiện các

ng nghị quyết số 1, số 6 của Ủy ban Cải cách giáo dục trung ương về cuộc vận động tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong các trường học, thực hiện chỉ thị của Ban bí thư trung ương Đảng về giáo dục truyền thống cách mạng của thanh niên.

Cần nghiên cứu những đặc điểm của tình hình tư tưởng thanh, thiếu niên học sinh, sớm đề xuất những nội dung và biện pháp giáo dục thích hợp nhằm phát huy hơn nữa tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, nâng cao cảnh giác cách mạng chống lại cuộc chiến tranh phá hoại về nhiều mặt của bọn bành trướng Bắc Kinh, câu kết với đế quốc Mỹ.

Cải tiến nội dung và phương pháp giáo dục chính trị tư tưởng trong các trường; biên soạn và xuất bản sách giáo khoa về các môn chính trị, đạo đức và chủ nghĩa Mác—Lê-nin để giảng dạy trong các trường. Tăng cường sinh hoạt đoàn thể và hoạt động xã hội của học sinh thông qua Đoàn, Đội.

Làm tốt công tác huấn luyện quân sự phổ thông và đào tạo sĩ quan dự bị.

Các ngành giáo dục phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng đề án toàn diện về công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong các nhà trường.

2. Cải tiến công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục.

Khi lập kế hoạch giáo dục, phải căn cứ vào những chỉ tiêu chủ yếu của Nhà nước, phải kết hợp từ trên xuống và từ cơ sở lên, phát huy tính chủ động của cơ sở và của địa phương, đóng góp sức mình vào sự nghiệp giáo dục.

Các ngành, các địa phương cần xây dựng quy hoạch và kế hoạch phân bổ lao động và phương hướng ngành nghề để

làm cơ sở cho công tác hướng nghiệp và đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật.

Trong công tác đào tạo của các ngành đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, cần thực hiện việc gắn kế hoạch tuyển sinh với kế hoạch phân phối sử dụng. Bên cạnh chỉ tiêu tuyển sinh do Nhà nước giao, cần có loại chỉ tiêu hình thành bởi hợp đồng ký kết giữa nhà trường và cơ sở, địa phương có nhu cầu đào tạo (xí nghiệp, hợp tác xã, huyện, tỉnh...). Nơi có nhu cầu được chọn cử người đi học, nhà trường tuyển theo tiêu chuẩn đã được quy định. Nơi cử đi đóng góp kinh phí đào tạo và người đi học sau khi tốt nghiệp sẽ trở về làm việc tại nơi cử đi. Đối với những học sinh ở nơi khác tình nguyện sau khi tốt nghiệp sẽ đến phục vụ những địa phương, cơ sở có nhu cầu đào tạo, thì cũng sẽ được tuyển chọn.

Các chủ trương và biện pháp về phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục phải được thể hiện thành những chỉ tiêu pháp lệnh trong các kế hoạch kinh tế, xã hội ngắn hạn, dài hạn của trung ương và địa phương.

3. Ban hành một số chế độ, chính sách nhằm khuyến khích các trường kết hợp giảng dạy, học tập với thực nghiệm, với nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, với lao động sản xuất.

Nhà nước khuyến khích phát triển những hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, lao động sản xuất phục vụ xã hội của các trường. Cho phép nhà trường được sử dụng hoàn toàn phần thu nhập do những hoạt động này mang lại, không đánh thuế vào những sản phẩm làm ra và không cắt giảm ngân sách cấp cho nhà trường. Bộ Tài chính có trách nhiệm cùng các ngành giáo dục hướng dẫn cụ thể.

Nhà nước khuyến khích các ngành giáo dục tham gia làm hàng xuất khẩu phù hợp với điều kiện cụ thể của từng ngành học, từng loại trường dưới sự hướng dẫn của Bộ Ngoại thương; được sử dụng một tỷ lệ nhất định trong số ngoại tệ thu được, kể cả số ngoại tệ thu được do việc cử chuyên gia và nhân viên kỹ thuật đi làm việc ở các nước. Việc sử dụng những nguồn thu này phải theo hướng tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của các trường, tạo điều kiện để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Các ngành giáo dục cần xây dựng quy chế về vấn đề này trình Thường vụ Hội đồng bộ trưởng xem xét và quyết định.

Các trường phổ thông chú trọng đi vào hướng lao động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp và một số ngành công nghiệp. Các trường đại học, trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề chú trọng đi vào hướng lao động có kết hợp với ngành nghề đào tạo. Phải coi việc kết hợp giảng dạy, học tập với lao động theo ngành nghề là một yêu cầu bắt buộc.

Trong điều kiện cho phép, một số trường có thể tổ chức cơ sở sản xuất không đòi hỏi nhiều năng lượng, vật tư, nhưng đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ngành giáo dục đại học và chuyên nghiệp nên có những trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật.

Các ngành, các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện cho các trường đẩy mạnh những hoạt động lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học và kỹ thuật phục vụ xã hội và thực hiện tốt những chế độ, chính sách của Nhà nước đối với nhà trường về mặt này.

4. Ban hành một số chính sách, chế độ đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

Trước mắt cần làm tốt các việc sau đây:

a) Cần giữ vững và sử dụng đội ngũ

giáo viên các trường đại học và chuyên nghiệp, ngoài việc giảng dạy, vào những công việc thích hợp như nghiên cứu khoa học kỹ thuật và lao động sản xuất, đào tạo và bồi dưỡng sau đại học, soạn sách giáo khoa, nghiên cứu triển khai cải cách giáo dục v.v...

Bổ sung giáo viên cho các môn học còn thiếu nghiêm trọng như các môn chính trị, ngoại ngữ, nhạc, họa, kỹ thuật, nữ công, v.v... và những giáo viên trẻ để chuẩn bị thay thế số sẽ về hưu.

Khuyến khích những giáo viên có khả năng kiêm nhiệm dạy thêm môn khác hoặc dạy thêm cho trường khác; giáo viên của các ngành giáo dục làm công tác kiêm nhiệm được hưởng chế độ phụ cấp như đã quy định trong quyết định số 161-CT ngày 13-6-1983 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về chế độ công tác kiêm nhiệm của cán bộ khoa học và kỹ thuật.

b) Thực hiện đầy đủ những chế độ, chính sách đã ban hành đối với giáo viên đồng thời bổ sung một số chế độ, chính sách mới như:

Giáo viên các ngành giáo dục được nghỉ hè hai tháng.

Điều chỉnh thang lương giáo viên đã tốt nghiệp đại học ngang với thang lương kỹ sư, thang lương giáo viên đã tốt nghiệp trung học ngang với thang lương kỹ thuật viên.

Giáo viên mẫu giáo ngoài biên chế được hưởng chế độ theo quyết định số 111-HĐBT ngày 13-10-1981 về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

Các cấp chính quyền có trách nhiệm thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với giáo viên, và tùy khả năng từng địa phương giúp đỡ thêm cho đời sống vật chất của giáo viên (nhà ở, lương thực, thực phẩm, vải mặc, v.v...).

c) Các ngành giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp cần xây dựng tiêu chuẩn

các loại giáo viên của các trường phổ thông, dạy nghề và trung học chuyên nghiệp để trên cơ sở đó đề nghị chính sách đối với từng loại.

Giao Ban thi đua trung ương, Viện huân chương, Bộ Lao động, Bộ Tài chính cùng các ngành giáo dục nghiên cứu sớm trình Hội đồng bộ trưởng về chế độ khen thưởng đối với giáo viên lâu năm, có thành tích, như danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

Các ngành giáo dục cùng Bộ Tài chính, Bộ Lao động và các cơ quan hữu quan cần nghiên cứu đề trình với Nhà nước vào quý IV năm 1983 những chế độ, chính sách cần thiết khác đối với đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục như chính sách đối với giáo viên vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh, đối với giáo viên giỏi, giáo viên các trường vừa học vừa làm, giáo viên các trường sư phạm, cán bộ quản lý giáo dục, v.v...

5. Ban hành một số chính sách, chế độ đối với học sinh.

a) Cải tiến chế độ học bổng hiện có theo hướng xóa bỏ bình quân, khuyến khích học giỏi, rèn luyện tốt, khuyến khích học tập các nghề nặng nhọc, độc hại và đang khó tuyển. Không cấp học bổng cho những học sinh lười học, đạo đức kém. Đặt ra một số học bổng đặc biệt mang tính chất khen thưởng; quy định loại bằng đồ dành cho học sinh tốt nghiệp xuất sắc; định ra chế độ học chuyển tiếp lên bậc cao hơn cho những học sinh xuất sắc. Có cơ chế chuyển những học sinh các trường đại học không hợp khả năng sang hệ đào tạo khác phù hợp hơn hoặc ra sản xuất, công tác.

Nghiêm chỉnh thực hiện chỉ thị số 186-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7-6-1980 về tổ chức và quản lý đời sống trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, sư phạm kỹ thuật và trường dạy nghề. Các trường được nhận

sự đóng góp thêm của địa phương và gia đình học sinh để cải thiện điều kiện ăn, ở cho học sinh nội trú.

Các trường có học sinh nội trú được bảo đảm những điều kiện sinh hoạt cần thiết.

b) Học sinh tốt nghiệp phải phục tùng sự phân công của Nhà nước. Giao cho các ngành giáo dục cùng các cơ quan hữu quan xây dựng đề án về nghĩa vụ học sinh tốt nghiệp các trường đại học và chuyên nghiệp đi phục vụ ở miền núi và các vùng xa xôi, hẻo lánh.

Học sinh tốt nghiệp loại xuất sắc, loại giỏi được ưu tiên phân phối công tác, ưu tiên chọn nơi công tác trong phạm vi kế hoạch phân phối của Nhà nước.

Xử lý nghiêm minh những học sinh tốt nghiệp không tuân theo sự phân công của Nhà nước (như không cấp hoặc thu lại bằng tốt nghiệp, bắt bồi hoàn chi phí đào tạo, v.v...).

Các cơ quan Nhà nước phải thực hiện nghiêm túc chủ trương chỉ thu nhận vào biên chế Nhà nước những người đã tốt nghiệp ở các trường đào tạo.

6. Chính sách đầu tư cho các ngành giáo dục.

Cần có tỷ lệ đầu tư xây dựng cơ bản và mức kinh phí thích đáng cho các ngành giáo dục.

Huy động thêm ngân sách địa phương và sự đóng góp của nhân dân để bổ sung vào vốn đầu tư của Nhà nước.

Giao cho Bộ Giáo dục, Bộ Tài chính phối hợp với Tổng công đoàn Việt Nam và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng quy chế thống nhất về quỹ bảo trợ nhà trường.

Các cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể phải có khoản tăng thêm cho kinh phí đào tạo trích từ lợi nhuận sản xuất

dành cho các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao trình độ văn hóa, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân trong đơn vị mình.

Khi xây dựng khu dân cư mới, cần có phần kinh phí dành để xây dựng các công trình văn hóa giáo dục; khi xây dựng cơ sở sản xuất mới, cần trích một phần đầu tư cho công tác đào tạo cán bộ, công nhân sẽ làm việc ở các cơ sở sản xuất ấy.

Tranh thủ sự hợp tác quốc tế để tăng cường cơ sở vật chất của các trường.

7. Về tổ chức quản lý.

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương có nhiệm vụ tăng cường công tác lãnh đạo và chỉ đạo đối với ngành giáo dục phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, và quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng tại chức của mình.

b) Kiện toàn và thống nhất tổ chức ban giáo dục chuyên nghiệp ở các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương để làm nhiệm vụ quản lý công tác tuyển sinh, công tác dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, đào tạo và bồi dưỡng tại chức của tỉnh. Ban giáo dục chuyên nghiệp chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu và chịu sự chỉ đạo về ngành dọc của Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và Tổng cục Dạy nghề.

c) Các ngành giáo dục cần tăng cường một cách có hiệu quả hệ thống tổ chức thanh tra giáo dục.

d) Đối với ngành đại học, đi đôi với việc tăng cường chức năng quản lý toàn ngành của Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, cần cải tiến từng bước

công tác quản lý các trường đại học theo hướng sau đây:

Bộ Giáo dục trực tiếp quản lý các trường đại học sư phạm; Bộ Y tế trực tiếp quản lý các trường đại học y, dược; Bộ Văn hóa trực tiếp quản lý các trường nghệ thuật; Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ trực tiếp quản lý các trường thuộc Bộ mình. Các trường đại học khác giao Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp trực tiếp quản lý; cần chuẩn bị điều kiện về mọi mặt để sự chuyển giao được thực hiện tốt. Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ cùng với các Bộ hữu quan xây dựng đề án mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp sớm trình Thường vụ Hội đồng bộ trưởng, đồng thời xây dựng một cơ chế thích hợp đảm bảo cho các Bộ đó có trách nhiệm và quyền hạn tham gia công tác xây dựng mục tiêu và kế hoạch đào tạo công tác tuyển sinh, xây dựng nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và công tác phân phối sử dụng học sinh tốt nghiệp.

đ) Các ngành giáo dục kết hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng công đoàn Việt Nam và các tổ chức xã hội khác, tiếp tục đẩy mạnh những phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa và hình thức thích hợp.

Các ngành giáo dục cần kịp thời tổng kết những kinh nghiệm của các đơn vị và cá nhân tiên tiến, có biện pháp mở rộng các điển hình, coi đó là một nhân tố quan trọng để phát triển sự nghiệp giáo dục. Từng ngành, từng địa phương, hàng năm cần tổ chức tốt hội nghị tổng kết thành tích và giới thiệu kinh nghiệm của những đơn vị tiên tiến.

Giáo dục là sự nghiệp lâu dài, có ảnh hưởng lớn đến nhiều thế hệ. Hồ Chủ tịch đã dạy: «Vi lợi ích mười năm, trồng cây; vì lợi ích trăm năm, trồng người».

Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Dạy nghề và các ngành, các cấp cần nhận thức rõ tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục và có kế hoạch triển khai tích cực nghị quyết này nhằm thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ V và nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, đưa công tác giáo dục nước ta tiến lên một bước mới.

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 1983

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 79-HĐBT ngày 19-7-1983 về việc thành lập xã Sơn Nguyên và xã Sơn Giang thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Phú Khánh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18 tháng 12 năm 1980;

Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Thành lập xã Sơn Nguyên và xã Sơn Giang thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Phú Khánh.

a) Xã Sơn Nguyên được thành lập trên cơ sở tách xóm Hòa Nguyên của thôn Xuân Sơn thuộc xã Sơn Xuân và xóm Phường Bà Tám của thôn Ngân Điền thuộc xã Sơn Hà.

Địa giới của xã Sơn Nguyên ở phía bắc giáp xã Sơn Định, phía nam giáp xã Sơn Hà, phía đông giáp xã Sơn Xuân, phía tây giáp xã Sơn Phước.

b) Xã Sơn Giang được thành lập trên cơ sở tách thôn Nhiều Giang của xã Sơn Hà.

Địa giới của xã Sơn Giang ở phía bắc giáp xã Sơn Hà, phía nam giáp xã Sông Hình, phía đông giáp xã Sơn Thành của huyện Tuy Hòa, phía tây giáp xã Đức Bình.

Điều 2. — Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Khánh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 1983

Thừa ủy quyền của Hội đồng bộ trưởng

Bộ trưởng Tổng thư ký

NGUYỄN HỮU THỤ

NGHỊ ĐỊNH số 80-HĐBT ngày 19-7-1983 về việc ban hành Điều lệ cung ứng và sử dụng điện.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4-7-1981;